

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 18

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Lanh	Chủ tịch
Ông Vũ Quang Hội	Thành viên
Ông Đoàn Hùng Sơn	Thành viên
Ông Đào Quang Dũng	Thành viên
Ông Hà Ngọc Phiếm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Ngọc Phiếm	Giám đốc
Ông Lê Xuân Cương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Nang	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẬM MU

Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hà Ngọc Phiếm

Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2008

Số: /Deloitte-AUDHP-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm phụ trách Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2008

Trần Ngọc Bảo
Chủ nhiệm kiểm toán
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0796/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.070.213.180	39.344.551.191
I. Tiền	110	4	8.628.213.744	10.198.260.597
1. Tiền	111		8.628.213.744	10.198.260.597
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.016.575.199	27.900.605.402
1. Phải thu khách hàng	131		14.367.949.337	13.362.511.026
2. Trả trước cho người bán	132		18.837.459.929	14.056.850.400
3. Các khoản phải thu khác	135		811.165.933	481.243.976
III. Hàng tồn kho	140	5	57.885.865	52.629.779
1. Hàng tồn kho	141		57.885.865	52.629.779
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.367.538.372	1.193.055.413
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.367.538.372	1.193.055.413
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		243.216.598.972	199.709.456.277
I. Tài sản cố định	220		243.216.598.972	199.709.456.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	156.793.230.222	167.431.089.960
- Nguyên giá	222		194.857.669.084	194.837.910.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.064.438.862)	(27.406.821.029)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	86.423.368.750	32.278.366.317
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.286.812.152	239.054.007.468

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		211.140.623.135	169.962.845.254
I. Nợ ngắn hạn	310		32.924.675.607	15.822.807.152
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		19.856.000.000	11.179.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.152.669.086	1.556.477.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8	576.109.555	207.324.481
4. Phải trả người lao động	315		510.771.854	596.635.553
5. Chi phí phải trả	316		3.004.363.965	1.848.020.593
6. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		7.392.710.936	-
7. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		432.050.211	435.349.410
II. Nợ dài hạn	330		178.215.947.528	154.140.038.102
1. Vay và nợ dài hạn	334	9	177.665.268.956	153.761.549.756
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	10	417.043.155	287.104.494
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		133.635.417	91.383.852
B. NGUỒN VỐN	400		76.146.189.017	69.091.162.214
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		75.558.281.864	68.691.029.437
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	11	2.068.900.058	1.748.660.495
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	11	825.138.585	504.899.022
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	11	12.631.564.555	6.404.791.254
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	11	32.678.666	32.678.666
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		587.907.153	400.132.777
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		168.682.892	52.889.154
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		419.224.261	347.243.623
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.286.812.152	239.054.007.468

Hà Ngọc Phiếm

Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2008

Nguyễn Xuân Hồng

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1. Doanh thu	01		35.655.210.300	35.227.847.300
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		35.655.210.300	35.227.847.300
4. Giá vốn hàng bán	11		13.757.613.963	13.364.808.882
5. Lợi nhuận gộp	20		21.897.596.337	21.863.038.418
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	2.621.375.622	2.198.354.864
7. Chi phí tài chính	22		16.092.738.900	17.052.003.198
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		16.092.738.900	17.052.003.198
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.208.096.474	1.277.820.718
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	30		7.218.136.585	5.731.569.366
11. Thu nhập khác	31		58.821.688	1.090.578.861
12. Chi phí khác	32		87.623.447	131.240.757
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	14	(28.801.759)	959.338.104
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.189.334.826	6.690.907.470
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	15	129.938.661	122.572.557
17. Lợi nhuận sau thuế	60		7.059.396.165	6.568.334.913
18. Lãi trên cổ phiếu	70	16	1.177	1.460

Hà Ngọc Phiếm

Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2008

Nguyễn Xuân Hồng

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán điện và doanh thu khác	01	40.928.735.573	39.052.049.080
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(14.209.964.440)	(15.020.877.157)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.746.073.286)	(1.722.742.728)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(16.067.408.900)	(17.066.290.900)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.703.664.200	1.153.750.190
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-	(4.441.377.829)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.608.953.147	1.954.510.656
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(43.759.719.200)	(28.992.218.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.759.719.200)	(28.992.218.040)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	43.759.719.200	28.671.213.868
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.179.000.000)	(10.089.000.000)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.580.719.200	34.182.213.868
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.570.046.853)	7.144.506.484
Tiền đầu năm	60	10.198.260.597	3.053.754.113
Tiền cuối năm	70	8.628.213.744	10.198.260.597

Hà Ngọc Phiếm
Giám đốc
Ngày 18 tháng 01 năm 2008

Nguyễn Xuân Hồng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tiền thân của Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu là Ban quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Mu thuộc Công ty Sông Đà 9 được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002, Ban quản lý Dự án chuyển thành Nhà máy thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9.

Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 10-03-000005 ngày 29/05/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh sửa đổi bổ sung.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	30.600.000.000	51
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	3.000.000.000	5
Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh	15.000.000.000	25
Các cổ đông là cá nhân khác	11.400.000.000	19

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 VNĐ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 97 người (năm 2006: 95 người).

Theo Quyết định số 28ACT/HĐQT ngày 01/12/2004 của Hội đồng Quản trị Công ty, Ban quản lý các dự án trực thuộc Công ty được thành lập. Theo đó, nhiệm vụ chính của Ban quản lý dự án là chuẩn bị, theo dõi đôn đốc, quản lý giám sát Dự án Thủy điện Nậm Ngần và các dự án khác của Công ty. Dự án Thủy điện Nậm Ngần của Công ty đã đi vào triển khai và dự kiến sẽ hoàn thành và phát điện trong quý III năm 2008.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng, sản xuất và kinh doanh nhà máy thủy điện. Toàn bộ sản lượng điện phát ra được bán cho khách hàng duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của Ban quản lý các dự án trực thuộc Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Tài sản</u>	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	19 – 23
Máy móc và thiết bị	5 – 16
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm thứ tư kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	31/12/2007	31/12/2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Tiền mặt	223.814.182	336.496.728
Tiền gửi ngân hàng	8.404.399.562	9.861.763.869
	<u>8.628.213.744</u>	<u>10.198.260.597</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007	31/12/2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Nguyên liệu, vật liệu	52.432.365	42.976.279
Công cụ dụng cụ	5.453.500	9.653.500
	57.885.865	52.629.779
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>57.885.865</u>	<u>52.629.779</u>

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2007	145.569.277.286	47.751.861.801	1.312.591.143	204.180.759	194.837.910.989
Mua trong năm	-	-	-	19.758.095	19.758.095
Tại ngày 31/12/2007	<u>145.569.277.286</u>	<u>47.751.861.801</u>	<u>1.312.591.143</u>	<u>223.938.854</u>	<u>194.857.669.084</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2007	19.239.897.035	7.607.521.766	450.441.974	108.960.254	27.406.821.029
Khấu hao trong năm	7.434.274.356	3.016.184.013	164.073.900	43.085.564	10.657.617.833
Tại ngày 31/12/2007	<u>26.674.171.391</u>	<u>10.623.705.779</u>	<u>614.515.874</u>	<u>152.045.818</u>	<u>38.064.438.862</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2007	<u>118.895.105.895</u>	<u>37.128.156.022</u>	<u>698.075.269</u>	<u>71.893.036</u>	<u>156.793.230.222</u>
Tại ngày 1/1/2007	<u>126.329.380.251</u>	<u>40.144.340.035</u>	<u>862.149.169</u>	<u>95.220.505</u>	<u>167.431.089.960</u>

Như trình bày tại thuyết minh số 9, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản cố định để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng.

Đối với máy móc thiết bị là tổ máy phát điện, Công ty thực hiện khấu hao trong 16 năm, mặc dù một số nhà máy thủy điện khác lựa chọn khấu hao tổ máy trong 10 năm. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về tuổi thọ kỹ thuật, kinh tế của tổ máy cũng như kế hoạch đại tu theo thiết kế kỹ thuật. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc Công ty đã đưa ra quyết định về thời gian sử dụng hữu ích của tổ máy là 16 năm. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc lựa chọn số năm khấu hao tổ máy trong 16 năm là hoàn toàn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Năm 2007 (VNĐ)	Năm 2006 (VNĐ)
Tại ngày 1 tháng 1	32.278.366.317	1.812.470.271
Tăng	54.145.002.433	30.465.896.046
Tại ngày 31 tháng 12	86.423.368.750	32.278.366.317

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2007 phản ánh toàn bộ giá trị đầu tư của Công ty vào Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	372.418.477	188.383.653
Thuế tài nguyên	203.691.078	18.940.828
	576.109.555	207.324.481

9. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2007 (VNĐ)	31/12/2006 (VNĐ)
Ngân hàng NN&PTNT Hà Giang	145.489.889.456	150.956.549.756
<i>Khoản vay 1 (1)</i>	<i>125.090.335.888</i>	<i>136.269.335.888</i>
<i>Khoản vay 2 (2)</i>	<i>20.399.553.568</i>	<i>14.687.213.868</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (3)	52.031.379.500	13.984.000.000
	197.521.268.956	164.940.549.756
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(19.856.000.000)	(11.179.000.000)
Số dư vay dài hạn	177.665.268.956	153.761.549.756

(1) *Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Giang - Khoản vay 01*: Ngày 5 tháng 9 năm 2003, Công ty Sông Đà 9 đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang với số tiền là 184.414 triệu đồng để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Mu. Khoản vay này sau đó đã được Công ty Sông Đà 9 chuyển giao lại cho Công ty. Ngày 01 tháng 8 năm 2005, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn số 01.NM/HĐTD trực tiếp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang với số tiền là 153.594 triệu đồng (trung ứng với giá trị gốc vay tại thời điểm chuyển giao khoản vay). Nợ gốc của khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2004 đến hết năm 2015. Lãi tiền vay được thanh toán hàng quý và được xác định bằng lãi suất theo quy định từng thời kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, lãi suất áp dụng cho năm 2007 là 12% năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản của Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu để bảo đảm cho khoản vay. Tổng số vốn vay mà Công ty đã rút tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 165.568 triệu đồng và đã trả nợ gốc là 40.478 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(2) *Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Giang - Khoản vay 02:* Ngày 01 tháng 3 năm 2006, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang với số tiền là 84.643 triệu đồng để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần. Nợ gốc của khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2008 đến hết năm 2017. Lãi tiền vay được thanh toán hàng quý và được xác định bằng lãi suất theo quy định từng thời kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, lãi suất áp dụng cho năm 2007 là 12,6% năm. Tổng số vốn vay mà Công ty đã rút tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 20.399 triệu đồng

(3) *Vay Ngân hàng Phát triển Hà Giang:* Ngày 4 tháng 7 năm 2006, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển tỉnh Hà Giang với số tiền là 108.000 triệu đồng để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần. Nợ gốc của khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2008 đến hết năm 2016. Lãi tiền vay được thanh toán hàng quý và được xác định bằng lãi suất theo quy định từng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, lãi suất áp dụng cho năm 2007 là 7,8% năm. Tổng số vốn vay mà Công ty đã rút tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 52.031 triệu đồng.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản của Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần để bảo đảm cho hai khoản vay (2) và (3).

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2007	31/12/2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Trong vòng một năm	19.856.000.000	11.179.000.000
Trong năm thứ hai	31.342.000.000	19.856.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	98.062.933.068	66.978.213.868
Sau năm năm	48.260.335.888	66.927.335.888
	197.521.268.956	164.940.549.756
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(19.856.000.000)	(11.179.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>177.665.268.956</u>	<u>153.761.549.756</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Tại ngày 01 tháng 01	287.104.494	164.531.937
Chuyển sang vốn chủ sở hữu trong năm	-	-
(Tăng)/giảm lãi trong năm	129.938.661	122.572.557
Tại ngày 31 tháng 12	417.043.155	287.104.494

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận từ việc khấu hao một số tài sản cố định theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính chậm hơn mức khấu hao cho mục đích xác định lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối
01/01/2006	40.000.000.000	255.147.723	567.336.847	32.678.666	5.767.431.808
Tăng/ (giảm) trong năm	20.000.000.000	1.493.512.772	(62.437.825)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	6.568.334.913
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(1.530.975.467)
Chia lãi trong năm	-	-	-	-	(4.400.000.000)
01/01/2007	60.000.000.000	1.748.660.495	504.899.022	32.678.666	6.404.791.254
Tăng/ (giảm) trong năm	-	320.239.563	320.239.563	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.059.396.165
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(832.622.864)
31/12/2007	60.000.000.000	2.068.900.058	825.138.585	32.678.666	12.631.564.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được đầu tư tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được đầu tư tại xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Cả hai dự án này đều được đầu tư để sản xuất điện năng.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý.

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Dự án Nậm Mu	35.655.210.300	35.227.847.300
Dự án Nậm Ngần	-	-
	35.655.210.300	35.227.847.300

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình và giá trị xây dựng cơ bản theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình và xây dựng cơ bản	
	31/12/2007	31/12/2006	Năm 2007	Năm 2006
Dự án Nậm Mu	183.472.394.985	190.746.034.911	19.758.095	12.984.762
Dự án Nậm Ngần	103.814.417.167	48.307.972.557	54.145.002.433	30.499.284.618
	287.286.812.152	239.054.007.468	54.164.760.528	30.512.269.380

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Lãi tiền gửi	56.444.230	35.040.932
Thu lãi chiếm dụng vốn (*)	1.378.819.392	1.369.238.932
Nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư (**)	1.186.112.000	794.075.000
	2.621.375.622	2.198.354.864

(*) Thu lãi chiếm dụng vốn phát sinh từ khoản phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 9, lãi suất được hai bên thoả thuận bằng lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại tính theo từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(**)Khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/04/2004 cho các dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Mức hỗ trợ được tính như sau:

$$\text{Mức hỗ trợ} = \text{Nợ gốc thực trả} \times \frac{\text{Lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước}}{\text{Lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước}} \times \frac{\text{Thời hạn thực vay của nợ gốc đã trả}}{\text{Thời hạn thực vay của nợ gốc đã trả}} \times 50\%$$

14. (LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Thuế tài nguyên được miễn giảm	-	1.033.418.861
Thu từ dịch vụ đào tạo công nhân vận hành	-	55.990.000
Thu tiền nhà, điện, nước sinh hoạt của công nhân	8.735.200	-
Kết chuyển các khoản phải trả khác vào thu nhập	29.822.543	-
Các khoản khác	3.096.938	1.170.000
Thu nhập khác	41.654.681	1.090.578.861
Phạt chậm nộp thuế	70.456.440	75.590.757
Chi phí dịch vụ đào tạo công nhân vận hành	-	55.650.000
Chi phí khác	70.456.440	131.240.757
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(28.801.759)	959.338.104

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm		
Lợi nhuận trước thuế	7.189.334.826	6.690.907.470
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.011.938.524)	(2.011.938.524)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	376.318.440	417.490.757
Thu nhập chịu thuế	5.553.714.742	5.096.459.703
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	555.371.474	509.645.970
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (*)	(555.371.474)	(509.645.970)
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh số 10)	129.938.661	122.572.557
	129.938.661	122.572.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***16. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.059.396.165	6.568.334.913
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Lãi từ các giấy nhận nợ có thể chuyển đổi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để lãi trên cổ phiếu cơ bản	6.000.000	4.500.000
Lãi trên cổ phiếu	1.177	1.460

17. CÁC CAM KẾT

Hiện nay, Công ty đang thực hiện Dự án thủy điện Nậm Ngần với các cam kết như sau:

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Đầu tư Dự án Thủy điện Nậm Ngần		
Tổng dự toán	282.572.635.000	250.412.327.000
Đã thực hiện	103.814.417.167	48.307.972.557
	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Vốn vay cho dự án Thủy điện Nậm Ngần		
Tổng vốn cam kết cho vay theo Dự án	212.643.000.000	212.643.000.000
Vốn vay đã giải ngân	72.430.933.068	28.671.213.868

Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần dự kiến sẽ phát điện tổ máy đầu tiên vào quý III năm 2008, Công ty đã ký kết các hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại về việc tài trợ vốn cho dự án này với tổng hạn mức tín dụng là 212.643.000.000 đồng.

Hợp đồng bán điện

Đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu, Công ty đã ký hợp đồng bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam với thời hạn 25 năm kể từ năm 2004. Đối với Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Ngần, Công ty đã ký thoả thuận bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam với thời hạn 30 năm kể từ năm 2008. Các hợp đồng/ thoả thuận này chỉ được thay đổi khi các bên có các thoả thuận khác và được bổ sung bởi phụ lục hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Thu lãi chiếm dụng vốn		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.378.819.392	1.369.238.932
Giá trị xây dựng cơ bản thực hiện		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	21.855.325.086	21.420.829.635
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.955.352.455	2.345.304.545
Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sông Đà UCRIN	88.405.818	3.239.315.200
Các đơn vị khác thuộc Tổng Công ty Sông Đà	6.884.150.319	-

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2007	31/12/2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	12.711.429.087	11.343.247.846
Các khoản ứng trước		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	355.344.715	13.510.743.400
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà UCRIN	310.865.280	485.607.000
Tổng Công ty Sông Đà	4.500.000.000	-
Các đơn vị khác thuộc Tổng Công ty Sông Đà	297.734.200	-
Các khoản phải trả		
Xí nghiệp Sông Đà 9.05	244.219.538	244.219.538
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà UCRIN	-	781.037.720
Các đơn vị khác thuộc Tổng Công ty Sông Đà	887.926.058	552.014.746

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2007	Năm 2006
	(VNĐ)	(VNĐ)
Lương, thưởng và phúc lợi khác	270.709.178	247.635.023

19. SỐ LIỆU SO SÁNH*Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.*